

MỘT SỐ PHƯƠNG THỨC ĐỊNH DANH TỪ NGỮ CHỈ CÂY THUỐC TRONG TIẾNG SÁN DÌU

Trịnh Thị Thu Hòa*

Trường Đại học Khoa học - ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Nghiên cứu về tên gọi thực vật đã được các nhà khoa học quan tâm và khảo sát từ rất sớm với những mục đích nghiên cứu khác nhau như tập hợp danh mục gọi tên thực vật, phân loại thực vật hoặc tìm hiểu đặc điểm tư duy của người bản ngữ trong cách định danh thể giới thực vật. Trong số những từ ngữ chỉ tên gọi thực vật, từ ngữ chỉ cây thuốc chiếm số lượng không nhỏ.

Bảng thao tác phân tích ngữ nghĩa các từ ngữ chỉ cây thuốc trong tiếng Sán Dìu, bài viết đã bước đầu xác định được một số phương thức định danh cây thuốc của cộng đồng người Sán Dìu. Kết quả khảo sát đã cho thấy người Sán Dìu chủ yếu sử dụng phương thức định danh theo đặc trưng hình thức bên ngoài của thực vật như hình dáng, màu sắc... và phương thức định danh theo công dụng của thực vật. Đặc biệt, qua việc tìm hiểu cách thức định danh từ ngữ chỉ cây thuốc, chúng ta thấy được nét văn hóa độc đáo trong lĩnh vực y học cổ truyền của cộng đồng dân tộc Sán Dìu ở khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam.

Từ khóa: *phương thức định danh, cây thuốc, văn hóa, người Sán Dìu*

ĐẶT VẤN ĐỀ

Định danh là quá trình tri nhận hiện thực khách quan của con người được phản ánh vào ngôn ngữ. Nói như G.V. Cònsansky “định danh là sự cố định cho một kí hiệu ngôn ngữ một khái niệm biểu vật phản ánh những đặc trưng nhất định của một biểu vật các thuộc tính, phẩm chất và quan hệ của các đối tượng và quá trình thuộc phạm vi vật chất và tinh thần...” (dt [6, tr161]). Theo đó, trong quá trình gọi tên các sự vật, hiện tượng người sử dụng ngôn ngữ thường lựa chọn đặc trưng tiêu biểu nào đó “đập vào mắt” lấy làm đại diện cho nó.

Tiếp nhận những vấn đề lí thuyết về định danh, chúng tôi tiến hành khảo sát và phân tích tên gọi một số loại dược liệu trong tiếng Sán Dìu để chỉ ra một cách cụ thể về các phương thức định danh từ ngữ gọi tên dược liệu của người Sán Dìu. Trong phạm vi bài báo này, chúng tôi chỉ đề cập đến tên gọi dược liệu có nguồn gốc là thực vật trong tiếng Sán Dìu. Dựa vào đặc điểm ngữ nghĩa của các từ chỉ dược liệu trong tiếng Sán Dìu, bài viết sẽ tìm hiểu các dấu hiệu văn hóa về y thuật dân gian của người bản ngữ được lưu giữ trong lớp từ này.

VÀI NÉT VỀ Y HỌC DÂN GIAN CỦA NGƯỜI SÁN DÌU

Y học dân gian (folk - medicine) còn được gọi là kinh nghiệm dân gian hay y học bình dân (để phân biệt với y học bác học). Nó là toàn bộ những kinh nghiệm phòng chống bệnh tật, bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân lao động. Theo một số ý kiến của các nhà nghiên cứu y học, khái niệm *y học dân gian* mới xuất hiện vào đầu thế kỉ XX, và trên thực tế, đây là khái niệm ít được sử dụng, nó thường bị hòa lẫn với trong các khái niệm y học dân tộc, y học cổ truyền, Đông y... Trong cuộc sống, chúng ta thường quen gọi thuật ngữ này bằng một số từ đơn giản hơn như *kinh nghiệm chữa bệnh dân gian* hay *bài thuốc dân gian*. Ra đời từ thời kỳ công xã nguyên thủy, trải qua các thời kỳ phát triển lâu dài trong những chế độ xã hội có giai cấp và tiếp tục tồn tại trong thời đại hiện nay, nền y học dân gian chính là cơ sở hình thành nên nền y học thành văn mang đậm tính bác học.

Trong các dân tộc thiểu số ở Việt Nam, Sán Dìu được xếp vào nhóm dân tộc đang có nguy cơ mai một bản sắc văn hóa. So với một số dân tộc ít người khác, thế hệ trẻ người Sán Dìu có xu hướng *Kinh hóa* nhanh. Tuy vậy, lớp người già trong cộng đồng này lại rất có ý thức gìn giữ ngôn ngữ và nếp sống truyền

* Tel:

thống. Vì thế, một số di sản văn hóa truyền thống của người Sán Dìu vẫn đang được gìn giữ và phát huy. Trong đó, tri thức y học dân gian của cộng đồng người Sán Dìu hầu như được bảo tồn nguyên dạng, không pha tạp. Nghề thuốc của người Sán Dìu đã hình thành từ xa xưa. Các thầy lang người Sán Dìu cho biết những bài thuốc của họ đều là những bài thuốc gia truyền 7 đời, 5 đời truyền lại.

Khác với ngôn ngữ Sán Dìu, hiện được xếp vào nhóm ngôn ngữ yếu, y học dân gian của người Sán Dìu vẫn như mạch nước ngầm âm thầm chảy trong lòng cộng đồng tộc người này. Là thói quen và cũng là niềm tin, khi gặp những căn bệnh liên quan tới lục phủ ngũ tạng, thần kinh, xương, khớp hay sinh nở, sởi đẹn... đầu tiên người Sán Dìu sẽ tìm đến thầy lang bản địa để bốc thuốc. Nguồn nguyên liệu làm thuốc của người Sán Dìu chủ yếu được lấy từ rừng núi. Những vị thuốc quý hiện có nguy cơ tuyệt chủng đã được các thầy lang mang về trồng tại nhà. Nói đến y học dân gian của người Sán Dìu không thể không nói tới những bài thuốc độc đáo và hiệu quả như châm cứu bằng lá ngải, cao lá cây được luyện từ 120 loại lá rừng quý trên đỉnh Tam Đảo nấu trong 10 ngày... những bài thuốc chữa xơ gan, chữa bông... Hiện nay, những bài thuốc dân gian của người Sán Dìu không phải chỉ để dùng chữa bệnh cho người Sán Dìu mà rất nhiều người Kinh tìm đến các thầy thuốc Sán Dìu để chữa bệnh. Vì thế, sức tỏa, sức sống của nền y học dân gian của người Sán Dìu ngày một lớn mạnh trong lòng cộng đồng các dân tộc khác.

CÁC PHƯƠNG THỨC ĐỊNH DANH TỪ NGỮ CHỈ CÂY THUỐC TRONG TIẾNG SÁN DÌU

Chúng tôi đã tiến hành điền dã, phỏng vấn các thầy thuốc của người Sán Dìu ở 2 khu vực (Tam Đảo - Vĩnh Phúc; Đông Hỷ - Thái Nguyên) và bước đầu thu được 343 từ ngữ gọi tên dược liệu bằng tiếng Sán Dìu.

Xét về đặc điểm cấu tạo hình thức, trong tổng số 343 từ gọi tên dược liệu không có từ đơn,

không có từ láy; chỉ có từ ghép chính phụ và cụm từ. Trong đó, chiếm 38% là từ ghép chính phụ như *pha khuê* (hoa - cà); *hông hen* (hông - đên), *lách hen* (lành - đên) và chiếm 62 % là cụm từ như *vong côi dzuy* (vàng - chó - cay); *bọc chét sáo* (nổi - khớp - cò)...

Xét về mối quan hệ ngữ nghĩa giữa các thành tố, từ gọi tên dược liệu trong tiếng Sán Dìu được cấu tạo theo phương thức định danh phức. Đây là phương thức tạo ra loại từ chỉ tên gọi thực vật giá trị cao thể. Bao gồm các phương thức và mô hình định danh sau:

Phương thức định danh dùng thành tố chỉ họ kết hợp với thành tố chỉ loài

Thành tố chỉ họ/ giống + thành tố chỉ loài

Mô hình 1

Trong nhóm từ chỉ tên gọi dược liệu trong tiếng Sán Dìu, số lượng những đơn vị từ ngữ định danh theo mô hình 1 không nhiều (20/343 từ). Dạng này thường có sự kết hợp giữa một yếu tố chỉ loại lớn (loài) và một yếu tố chỉ loại nhỏ có tính phân nghĩa (họ/ giống). Khác với tiếng Việt vị trí của yếu tố chỉ loài thường đứng sau. Chẳng hạn: *trong dzuy* (gù hương - cây); *khi dzuy* (cọ - cây); *loi thanh* (trầu - dây); *ngoi sòi* (ngải - rau)... Những từ cấu tạo theo phương thức này chủ yếu là các từ ghép chính phụ.

Phương thức định danh dùng đặc trưng của cây thuốc kết hợp với thành tố chỉ loài

Thành tố chỉ đặc trưng của cây thuốc + (thành tố

chỉ họ/loài)

Mô hình 2

Đây là phương thức chiếm tỉ lệ nhiều nhất trong tổng số các từ ngữ chỉ tên gọi cây thuốc (249/ 343 từ ngữ). Phương thức này tạo ra các tên gọi dược liệu có sự phân loại nghĩa hẹp hơn loại 1. Kết quả định danh kiểu mô hình (2) tạo ra các đơn vị gọi tên dược liệu là tổ hợp chính phụ. Những tổ hợp này có giá trị miêu tả khá chi tiết về đặc trưng nào đó của cây thuốc. Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng *thành tố chỉ họ/ loài* không nhất thiết phải luôn có mặt trong

tổ hợp định danh. Phương thức này bao gồm những mô hình cấu tạo như sau:

Dùng hình dáng của cây thuốc kết hợp với các đặc điểm khác và thành tố chỉ họ/loài

Đặc điểm hình dáng + đặc điểm khác + (thành tố chỉ họ/loài)

Mô hình 2.1

Mô hình 2.1 cho thấy đặc điểm định danh tên gọi cây thuốc rất chi tiết. Trong tổ hợp định

TT chỉ hình dáng của cây thuốc	TT chỉ đặc điểm khác	TT chỉ họ/loài	Biểu thức định danh bậc 2
<i>bi</i> (tròn)	<i>nong</i> (nõn, lòng)	<i>dzuy</i>	<i>bi nong dzuy</i> - cây cau
<i>xét chi</i> (bây - cành)	<i>moi</i> (hoa)	<i>dzuy</i>	<i>xét chi moi dzuy</i> - cây bảy tầng
<i>thi cham</i> (đắt - chặm)	<i>thoi</i> (thốt)	<i>dzuy</i>	<i>thi cham thoi dzuy</i> - cây mùn thốt
<i>lô</i> (ngang)	<i>mông</i> (bao trùm)	<i>dzuy</i>	<i>lô mông dzuy</i> - cây búa
<i>la</i> (rộng)	<i>thông</i> (rỗng)	<i>dzuy</i>	<i>la thông dzuy</i> - cây sung
<i>riu</i> (ríu)	<i>cam</i> (bệnh cam)	<i>thanh</i>	<i>riu cam thanh</i> - cam thảo
<i>bọc</i> (đốt, nổi)	<i>chéc</i> (bọc)	<i>sáo</i>	<i>bọc chéc sáo</i> - cây mần tưới
<i>ha</i> (thấp)	<i>lạt</i> (cua)	<i>sáo</i>	<i>ha lạt sáo</i> - cây mắt cua

Dùng thuộc tính của cây thuốc kết hợp với thành tố chỉ loài

Kiểu định danh này chiếm tỉ lệ cao nhất trong phương thức định danh 3.2 (151/249 từ ngữ). Mô hình định danh như sau:

Đặc điểm thuộc tính + thành tố chỉ họ/loài

Mô hình 2.2

Theo *Từ điển tiếng Việt*, thuộc tính là *đặc tính vốn có của một sự vật, nhờ đó sự vật tồn tại và qua đó con người nhận thức được sự vật, phân biệt được sự vật này với sự vật khác* [8, 965]. Thuộc tính của cây thuốc được lấy làm cơ sở định danh trong tiếng Sán Dìu bao gồm các yếu tố màu sắc, mùi vị và môi trường và đặc điểm sinh trưởng. Ví dụ:

TT chỉ thuộc tính của cây thuốc	TT chỉ họ/loài	Biểu thức định danh bậc 2
<i>nay</i> (đất)	<i>cong</i> (gừng)	<i>nay cong</i> - sâm đất
<i>slan</i> (rừng)	<i>cheo</i> (chuối)	<i>slan cheo</i> - chuối rừng
<i>thộc</i> (độc)	<i>thanh</i> (dây)	<i>thộc thanh</i> - dây lá ngón
<i>sít</i> (đỉnh)	<i>dzuy</i> (cây)	<i>sít dzuy</i> - cây sơn
<i>hú</i> (đắng)	<i>cong</i> (gừng)	<i>hú cong</i> - cây tam thất
<i>hoăng</i> (thơm)	<i>sỏi</i> (rau)	<i>hoăng sỏi</i> - nhân trần
<i>hú</i> (đắng)	<i>thanh</i> (dây)	<i>hú thanh</i> - dây mật
<i>them</i> (ngọt)	<i>sáo</i> (cỏ)	<i>them sáo</i> - cỏ mật
<i>u</i> (đen)	<i>eong</i> (gừng)	<i>u cong</i> - nghệ đen
<i>xiêng</i> (xanh)	<i>thoi</i> (đỗ)	<i>xiêng thoi</i> - đỗ xanh
<i>nhui</i> (nhựa)	<i>thanh</i> (dây)	<i>nhui thanh</i> - cây thuốc giầu

Ngoài ra, chiếm chủ yếu trong phương thức định danh này là kiểu mô hình định danh có hai thành tố chỉ đặc điểm:

Đặc điểm thuộc tính + đặc điểm khác + thành tố chỉ họ/loài

Mô hình 2.3

Những ngữ định danh cấu tạo theo mô hình 2.3 thường có tính định danh kép. Cách định danh này đưa ra nhiều thành tố chỉ đặc điểm của cây thuốc nhằm cụ thể hóa đặc điểm của đối tượng được định danh. Kết quả phân loại cho thấy những tổ hợp từ định danh theo kiểu này có 104/ 249 từ ngữ. Xét về mặt cấu tạo hình thức, mô hình 2.3 là các ngữ định danh mang tính miêu tả cao. Chẳng hạn:

TT chỉ thuộc tính của cây thuốc	TT chỉ đặc điểm khác	TT chỉ họ/ loài	Biểu thức định danh bậc 2
<i>slan</i> (rừng)	<i>bát cóc</i> (tám - múi)	<i>dzuy</i> (cây)	<i>slan bát cóc dzuy</i> - cây hồi rừng
<i>u</i> (đen)	<i>mạch</i> (mực)	<i>sói</i> (rau)	<i>u mạch sói</i> - nhọ nổi
<i>vong</i> (vàng)	<i>kin</i> (rễ)	<i>thanh</i> (dây)	<i>vong kin thanh</i> - đằng hoàng
<i>hông</i> (hồng)	<i>soẹt</i> (tuyệt)	<i>thoi</i> (đỗ)	<i>hông soẹt thoi</i> - đỗ ván tía
<i>hoong</i> (hương)	<i>sim</i> (tím)	<i>thanh</i> (dây)	<i>hoong sim thanh</i> - trầm hương
<i>nam</i> (mềm)	<i>dza</i> (rắn)	<i>thanh</i> (dây)	<i>nam dza thanh</i> - dây trần
<i>lô công</i> (sẫm)	<i>kin</i> (rễ)	<i>sáo</i> (cò)	<i>lô công kin sáo</i> - rau má
<i>thộc</i> (độc)	<i>xi mao</i> (xơ - tóc)	<i>sáo</i> (cò)	<i>thộc xi mao sáo</i> - cây tòi độc

Dùng công dụng của cây thuốc kết hợp với thành tố chỉ họ/loài

Thành tố chỉ công dụng của cây thuốc + Thành tố chỉ họ/loài

Mô hình 2.4

Theo Từ điển tiếng Việt, công dụng là lợi ích mang lại khi được đem dùng [8,207]. Nói một cách đơn giản, tên gọi của những dược liệu này căn cứ vào tác dụng trị bệnh của nó. Kết quả thống kê cho thấy đây là phương thức định danh chiếm tỉ lệ ít nhất (33/ 249 từ ngữ). Do lấy công dụng làm cơ sở định danh nên những tên gọi này phản ánh rất rõ quá trình tìm ra giá trị của cây thuốc trong việc điều trị bệnh tật và nâng cao sức khỏe cộng đồng của người Sán Dìu. Do đó, tìm hiểu tên gọi dược liệu được cấu tạo trên cơ sở công dụng của cây thuốc sẽ cho ta thấy cả nền tri thức y học của tộc người này. Ví dụ:

TT chỉ công dụng của cây thuốc	TT chỉ họ/ loài	Biểu thức định danh bậc 2
<i>xa xông</i> (cát - con sâu)	<i>dzuy</i> (cây)	<i>xa xông dzuy</i> - cây găng gặt
<i>hoi suyét</i> (ngừa - bệnh)	<i>dzuy</i> (cây)	<i>hoi suyét dzuy</i> - cây đơn tương quân
<i>man lếch</i> (vạn - lực)	<i>dzuy</i> (cây)	<i>man lếch dzuy</i> - cây vạn lực
<i>hong</i> (gió)	<i>cong</i> (gừng)	<i>hong cong</i> - gừng gió
<i>mát</i> (cảm)	<i>thanh</i> (dây)	<i>mát thanh</i> - dây trầm hương

Phương thức định danh dùng từ chỉ động vật kết hợp với thành tố chỉ đặc điểm khác của cây thuốc / chỉ loài

Từ chỉ đặc điểm của động vật + Thành tố chỉ đặc điểm khác của cây thuốc /chỉ loài

Mô hình 3

Mô hình định danh 3 là cách đưa ra một yếu tố chỉ đặc điểm của động vật kết hợp với một đặc điểm khác của cây thuốc hoặc thành tố chi loài. Phần lớn là những động vật gần gũi và quen thuộc với cộng đồng. Việc mở rộng trường liên tưởng sang đặc điểm của động vật để định danh cây thuốc cho thấy khả năng liên tưởng vô cùng phong phú của cộng đồng dân tộc này trong buổi sơ khai. Ví dụ:

TT chỉ hình dáng động vật	TT chỉ đặc điểm khác của cây thuốc /chi loài	Biểu thức định danh bậc 2
<i>láo giúi</i> (già - chuột)	<i>ca</i> (quả)	<i>láo giúi ca</i> - dây bạch chuột
<i>cay song</i> (gà - ruột)	<i>đzuy</i> (cây)	<i>cay song đzuy</i> - cây ba kích
<i>nhieu li</i> (cá - vảy)	<i>sỏi</i> (rau)	<i>nhieu li sỏi</i> - rau sam
<i>ngoi nghi</i> (trâu - tai)	<i>hong</i> (hồng)	<i>ngoi nghi hong</i> - cây gạo
<i>ngoi thoi</i> (trâu - đầu)	<i>mảnh</i> (ké)	<i>ngoi thoi mảnh</i> - ké đầu ngựa
<i>mãng</i> (con cáo cáo)	<i>chấy</i> (quả)	<i>mãng chấy</i> - cây mần đẻ
<i>ap cococ</i> (vịt - chân)	<i>sáo</i> (cỏ)	<i>ap cococ sáo</i> - cỏ chân vịt

Như vậy, từ việc phân tích đặc điểm ngữ nghĩa của từ chỉ cây thuốc trong tiếng Sán Dìu, chúng tôi tập hợp được một số phương thức định danh và mô hình định danh trong bảng sau:

TT	Phương thức định danh	Mô hình định danh	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Phương thức định danh dùng thành tố chỉ họ kết hợp với thành tố chi loài	<i>Mô hình 1</i> Thành tố chỉ họ/ giống + thành tố chi loài	20	5,8 %
2	Phương thức định danh dùng đặc trưng của cây thuốc kết hợp với thành tố chi loài	<i>Mô hình 2.1</i> Đặc điểm hình dáng + đặc điểm khác + (thành tố chỉ họ/loài)	65	19 %
		<i>Mô hình 2.2</i> Đặc điểm thuộc tính + thành tố chỉ họ/loài	47	13,7 %
		<i>Mô hình 2.3</i> Đặc điểm thuộc tính + đặc điểm khác + thành tố chỉ họ/loài	104	30,3 %
		<i>Mô hình 2.4</i> Thành tố chỉ công dụng của cây thuốc + Thành tố chỉ họ/ loài	33	9,6 %
3	Phương thức định danh dùng từ chỉ động vật kết hợp với thành tố chỉ đặc điểm khác của cây thuốc/ chi loài	<i>Mô hình 3</i> Từ chỉ đặc điểm của động vật + Thành tố chỉ đặc điểm khác của cây thuốc /chi loài	74	21,6 %
TỔNG			343	100 (%)

KẾT LUẬN

Tim hiểu về các phương thức định danh cây thuốc trong tiếng Sán Dìu là một trong những nghiên cứu bước đầu của chúng tôi về trường từ vựng chỉ thực vật của ngôn ngữ này thông qua một tiểu trường cụ thể, tiểu trường tên gọi cây thuốc trong trường từ thực vật.

Kết quả nghiên cứu bước đầu cho thấy cấu trúc của các phương thức định danh cây thuốc trong tiếng Sán Diu khá phong phú mang dấu ấn văn hóa riêng của người Sán Diu. Phần lớn các mô hình định danh cây thuốc trong tiếng Sán Diu được cấu tạo theo kiểu định danh miêu tả bởi chúng không chỉ đề gọi tên cây thuốc mà qua tên gọi đó chúng ta còn thấy được cách tư duy ra cụ thể, chi tiết của người bản ngữ.

Và cũng nhờ những cách định danh có lí do như thế mà chúng ta mới nhận thức được những dấu vết văn hóa về tri thức y học dân tộc của cộng đồng người Sán Diu được phản ánh dưới lớp vỏ ngôn ngữ hàng trăm năm nay. Tên cây *xa xông* (xa – cát; xông – con sâu) cho biết người Sán Diu dùng cây *găng gặt* làm vị thuốc chữa bệnh thối chân do bị cát nhét vào kẽ chân; tên cây *hôi suýt* (ngứa – bệnh) cho ta biết người Sán Diu dùng cây *đơn tướng quân* làm vị thuốc chữa bệnh ghẻ, phát ban ở trẻ nhỏ; tên cây *man lếch* (vạn – lực) cho ta biết khi một mối cần tăng thêm sức

khỏe người Sán Diu dùng cây vạn lực ngâm rượu uống như một loại thuốc bổ giá trị...

Có thể nói, những đặc điểm và giá trị của các phương thức định danh cây thuốc trong tiếng Sán Diu cho thấy mối quan hệ chặt chẽ giữa ngôn ngữ dân tộc và tư duy dân tộc; giữa ngôn ngữ dân tộc và văn hóa dân tộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ma Khánh Bằng (1983), *Người Sán Diu ở Việt Nam*, Nxb Khoa học, Hà Nội.
2. Diệp Trung Bình (2005), *Phong tục và nghi lễ chu kỳ đời người của người Sán Diu ở Việt Nam*, Đề tài nghiên cứu, Thái Nguyên
3. Đỗ Hữu Châu (1986), *Cơ sở ngữ nghĩa học úc vựng*, Nxb Giáo dục, H.
4. Nguyễn Thiệp Giáp (2002), *Từ vựng học tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, H.
5. Tạ Văn Thông (Chủ biên) (2009), *Tìm hiểu ngôn ngữ các dân tộc ở Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, H.
6. Nguyễn Đức Tồn (2008), *Đặc trưng văn hóa dân tộc của ngôn ngữ và tư duy*, Nxb KHXH, H.
7. Viện Ngôn ngữ học (2006), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.

ABSTRACT

METHODS OF IDENTIFYING MEDICINAL HERBS IN SAN DIU ETHNIC LANGUAGE

Trình Thị Thu Hòa^{*}
University of Sciences - TNU

The ways of naming medical herbs have been studied for a long time. Many different research methods have been made in naming, identifying, and categorizing plants, as well as studying its characteristics. Regarding the plants' names, the words used in naming medicinal herbs are sizeable.

In making a semantic analysis of words in naming or identifying medicinal herbs, this article identifies some methods of naming medicinal herbs in San Diu ethnic language community. The results of the survey illustrate that San Diu people often name the herbs based on outside characteristics of plants such as shapes, sizes, and colors. Another method of naming medicinal herbs is based on their functions. As a consequence, this reveals the unique characteristics of the culture of San Diu people in the northern mountainous areas of Vietnam.

Từ khóa: *Methods of naming medicinal herbs, ethnic culture, San Diu people*

Ngày nhận bài: 15/8/2016, Ngày phản biện: 27/8/2016, Ngày duyệt đăng: 31/3/2017

^{*} *Tel:*